

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 1 năm 2026  
Thai Nguyen, day 26 month 1 year 2026

## BÁO CÁO

### Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

### PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
To: - The State Securities Commission  
- The Stock Exchange

#### I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/ Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 / Reporting period from 01/01/2025 to the end of 31/12/2025)

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

T T N o	Mã chứng khoán Securities code	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	NPM123021	60 tháng /60 months	27/07/2023	27/07/2028	700,00	26,82	0,00	61,86	700,00	26,63

#### II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/ Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ 31/12/2024 đến ngày 31/12/2025/Reporting period from 31/12/2024 to 31/12/2025)\*\*

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)
I.Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors						

1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư / <i>Investment funds</i>	7,21	1,03	-1,20	-0,17	6,01	0,86
c) Công ty chứng khoán <i>Securities companies</i>	135,54	19,36	-107,95	-15,42	27,60	3,94
d) Công ty Bảo hiểm <i>Insurance companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	445,76	63,68	184,06	26,29	629,82	89,98
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	111,48	15,93	-74,91	-10,70	36,57	5,22
<b>II.Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investors</i></b>						
1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
<b>Tổng/ Total</b>	<b>700,00</b>	<b>100,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>700,00</b>	<b>100,00</b>

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/ *Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

\*\* Ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2025 là ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu nhằm mục đích lập các báo cáo của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo/ *31/12/2024 and 31/12/2025 are the record dates for the list of bondholders for the purpose of preparing reports for Nui Phao Mining Company Ltd.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ As above;
- Lưu DN/ For company records.

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO  
NUI PHAO MINING COMPANY LTD**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Aditya Agarwal**



CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO  
NUI PHAO MINING COMPANY LTD

\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

\*\*\*

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 1 năm 2026  
Thai Nguyen, day 26 month 1 year 2026

## BÁO CÁO

### Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

### PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
To: - The State Securities Commission  
- The Stock Exchange

#### I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/ Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 / Reporting period from 01/01/2025 to the end of 31/12/2025)

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

T T N o	Mã chứng khoán Securities code	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	NPM123022	60 tháng /60 months	27/07/2023	27/07/2028	500,00	19,15	0,00	44,19	500,00	19,02

#### II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/ Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ 31/12/2024 đến ngày 31/12/2025 / Reporting period from 31/12/2024 to 31/12/2025) \*\*

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)
I.Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors						

1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư / <i>Investment funds</i>	98,10	19,62	0,00	0,00	98,10	19,62
c) Công ty chứng khoán <i>/Securities companies</i>	337,66	67,53	-293,84	-58,77	43,82	8,76
d) Công ty Bảo hiểm <i>/Insurance companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	40,00	8,00	315,30	63,06	355,30	71,06
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	24,24	4,85	-21,46	-4,29	2,78	0,56
<b>II.Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investors</i></b>						
1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
<b>Tổng/ Total</b>	<b>500,00</b>	<b>100,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>500,00</b>	<b>100,00</b>

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/ *Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

\*\* Ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2025 là ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu nhằm mục đích lập các báo cáo của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo/ *31/12/2024 and 31/12/2025 are the record dates for the list of bondholders for the purpose of preparing reports for Nui Phao Mining Company Ltd.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ As above;
- Lưu DN/ For company records.

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO** *dh*  
**NUI PHAO MINING COMPANY LTD**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Aditya Agarwal**



Thái Nguyên, ngày 26 tháng 1 năm 2026  
Thai Nguyen, day 26 month 1. year 2026

## BÁO CÁO

### Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

### PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
To: - The State Securities Commission  
- The Stock Exchange

#### I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/ Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 / Reporting period from 01/01/2025 to the end of 31/12/2025)

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

TTNO	Mã chứng khoán Securities code	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	NPM123023	60 tháng /60 months	27/07/2023	27/07/2028	550,00	21,07	0,00	48,61	550,00	20,92

#### II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/ Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ 31/12/2024 đến ngày 31/12/2025 / Reporting period from 31/12/2024 to 31/12/2025) \*\*

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)
I.Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors						

1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư / <i>Investment funds</i>	291,71	53,04	0,00	0,00	291,71	53,04
c) Công ty chứng khoán <i>Securities companies</i>	0,20	0,04	30,11	5,47	30,31	5,51
d) Công ty Bảo hiểm <i>Insurance companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	0,00	0,00	4,83	0,88	4,83	0,88
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	256,00	46,55	-32,86	-5,97	223,15	40,57
<b>II.Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investors</i></b>						
1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	2,08	0,38	-2,08	-0,38	0,00	0,00
<b>Tổng/ Total</b>	<b>550,00</b>	<b>100,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>550,00</b>	<b>100,00</b>

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/ *Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

\*\* Ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2025 là ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu nhằm mục đích lập các báo cáo của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo/ *31/12/2024 and 31/12/2025 are the record dates for the list of bondholders for the purpose of preparing reports for Nui Phao Mining Company Ltd.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ As above;
- Lưu DN/ For company records.

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO  
NUI PHAO MINING COMPANY LTD**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Aditya Agarwal**



Thái Nguyên, ngày 26 tháng 1 năm 2026  
Thai Nguyen, day 26 month 1 year 2026

## BÁO CÁO

### Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

### PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
To: - The State Securities Commission  
- The Stock Exchange

#### I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/ Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 / Reporting period from 01/01/2025 to the end of 31/12/2025)

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

T T N o	Mã chứng khoán Securities code	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	NPM123024	60 tháng /60 months	27/07/2023	27/07/2028	450,00	17,24	0,00	39,77	450,00	17,12

#### II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/ Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ 31/12/2024 đến ngày 31/12/2025 / Reporting period from 31/12/2024 to 31/12/2025) \*\*

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage (%)
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors						

1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư / <i>Investment funds</i>	236,97	52,66	-207,00	-46,00	29,97	6,66
c) Công ty chứng khoán <i>Securities companies</i>	0,63	0,14	116,15	25,81	116,78	25,95
d) Công ty Bảo hiểm <i>Insurance companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	0,00	0,00	257,00	57,11	257,00	57,11
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	212,40	47,20	-166,15	-36,92	46,25	10,28
<b>II.Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investors</i></b>						
1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
<b>Tổng/ <i>Total</i></b>	<b>450,00</b>	<b>100,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>450,00</b>	<b>100,00</b>

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/ *Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

\*\* Ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2025 là ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu nhằm mục đích lập các báo cáo của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo/ *31/12/2024 and 31/12/2025 are the record dates for the list of bondholders for the purpose of preparing reports for Nui Phao Mining Company Ltd.*



**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ As above;
- Lưu DN/ For company records.

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO  
NUI PHAO MINING COMPANY LTD**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Aditya Agarwal**

